

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89343/CT-TTHT
V/v chính sách thuế đối với cá nhân kinh doanh

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Trung tâm dịch vụ đa phương tiện và giá trị gia tăng Mobifone
Địa chỉ: Tòa nhà Mobifone, lô VP1, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội; MST:
0100686209-087

Ngày 21/10/2019, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 2647/TT.MVAS-KT đề ngày 09/10/2019 của Trung tâm dịch vụ đa phương tiện và giá trị gia tăng Mobifone (sau đây gọi là Trung tâm) đề nghị hướng dẫn thực hiện thuế đối với cá nhân hợp tác kinh doanh.

- Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế GTGT, thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế TNCN quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định về thuế:

+ Tại Điều 1 quy định về người nộp thuế:

“1. Người nộp thuế theo hướng dẫn tại Chương I Thông tư này là cá nhân cư trú bao gồm cá nhân, nhóm cá nhân và hộ gia đình có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là cá nhân kinh doanh).”

...c) Hợp tác kinh doanh với tổ chức.

...2. Người nộp thuế nêu tại khoản 1 Điều này không bao gồm cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống.”

+ Tại Điều 2 quy định phương pháp tính thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán:

“1. Nguyên tắc áp dụng

a) Cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán (sau đây gọi là cá nhân nộp thuế khoán) là cá nhân kinh doanh có phát sinh doanh thu từ kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh trừ cá nhân kinh doanh hướng dẫn tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư này...”

+ Tại Điều 3 quy định phương pháp tính thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh:

“1. Nguyên tắc áp dụng

a) Cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh gồm: cá nhân cư trú có phát sinh doanh thu kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam; cá nhân kinh doanh không thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định; cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức theo hình thức xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân.

Kinh doanh không thường xuyên được xác định tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng lĩnh vực, ngành nghề và do cá nhân tự xác định để lựa chọn hình thức khai thuế theo phương pháp khoán hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư này hoặc khai thuế theo từng lần phát sinh hướng dẫn tại Điều này.

...b) Đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh thì mức doanh thu 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định cá nhân không phải nộp thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân là tổng doanh thu từ kinh doanh trong năm dương lịch.”

+ Tại Điều 7 quy định khai thuế, nộp thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh:

“1. Nguyên tắc khai thuế

a) Cá nhân nộp thuế từng lần phát sinh khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân theo từng lần phát sinh nếu có tổng doanh thu kinh doanh trong năm dương lịch trên 100 triệu đồng.

b) Cá nhân kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh với tổ chức, tài sản tham gia hợp tác kinh doanh thuộc sở hữu của cá nhân, xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân thì cá nhân ủy quyền cho tổ chức khai thuế và nộp thuế thay. Tổ chức có trách nhiệm khai thuế và nộp thuế thay cho cá nhân tại cơ quan thuế quản lý tổ chức.

2. Hồ sơ khai thuế

Hồ sơ khai thuế đối với cá nhân nộp thuế theo từng lần phát sinh gồm:

- Tờ khai theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư này.*
- Bản chụp hợp đồng kinh tế cung cấp hàng hóa, dịch vụ;*
- Bản chụp biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;*
- Bản chụp tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa như: Bảng kê thu mua hàng nông sản nếu là hàng hóa nông sản trong nước; Bảng kê hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới nếu là hàng cư dân biên giới nhập khẩu; Hóa đơn của người bán hàng giao cho nếu là hàng hóa nhập khẩu mua của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong nước; tài liệu liên quan để chứng minh nếu là hàng hóa do cá nhân tự sản xuất; ...*
- Trường hợp cá nhân kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh ủy quyền cho tổ chức khai thuế và nộp thuế thay thì tổ chức khai thuế thay theo Tờ khai mẫu số 01/CNKD kèm*

theo Phụ lục mẫu số 01-1/BK-CNKD ban hành kèm theo Thông tư này và bản chụp hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu là lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng).

3. Nơi nộp hồ sơ khai thuế

...

- Cá nhân kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh ủy quyền cho tổ chức khai thuế và nộp thuế thay thì tổ chức nộp hồ sơ khai thuế thay tại cơ quan thuế quản lý tổ chức.

4. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh chậm nhất là ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh doanh thu tính thuế.

5. Thời hạn nộp thuế

Thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.”

+ Tại Điều 21 Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ như sau:

“...3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16

“2. Khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế...”

a.3) Khai quyết toán thuế

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo trừ các trường hợp sau:...”

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 119/2014 ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Thông tư số 39/2014/TT-BTC như sau:

““2. Các loại hóa đơn:

a) Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 3.1 Phụ lục 3 và mẫu số 5.1 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này) là loại hóa đơn dành cho các tổ chức khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ trong các hoạt động sau:

...

b) Hóa đơn bán hàng dùng cho các đối tượng sau đây:

- Tổ chức, cá nhân khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp khi bán hàng hóa, dịch vụ trong nội địa, xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu (mẫu số 3.2 Phụ lục 3 và mẫu số 5.2 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này).

...”

- Căn cứ Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 sửa đổi, bổ sung Điều 15 Thông tư số 219/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính) như sau:

“Điều 15. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

1. Có hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ các trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt gồm chứng từ thanh toán qua ngân hàng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt khác hướng dẫn tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

...”

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn về mặt nguyên tắc như sau:

Trường hợp Trung tâm dự kiến hợp tác kinh doanh với các cá nhân cư trú trong việc cung cấp nội dung trên mạng xã hội theo đúng quy định của pháp luật, theo đó tại hợp đồng hợp tác kinh doanh của hai bên có thỏa thuận phân chia doanh thu nhận được giữa các cá nhân và Trung tâm thì:

1. Đối với cá nhân kinh doanh:

Cá nhân hợp tác kinh doanh với Trung tâm theo hình thức xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân thì thuộc trường hợp tính nộp thuế GTGT, thuế TNCN đối với hoạt động kinh doanh theo từng lần phát sinh theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 92/2015/TT-BTC nêu trên. Cá nhân không phải thực hiện quyết toán thuế đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh.

Trường hợp cá nhân có tổng doanh thu từ kinh doanh trong năm dương lịch từ 100 triệu đồng/năm trở xuống thì cá nhân không phải nộp thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh.

Cá nhân ủy quyền cho Trung tâm khai thuế và nộp thuế thay đổi với phần doanh thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh, Trung tâm có trách nhiệm khai thuế và nộp thuế thay cho cá nhân tại cơ quan thuế quản lý Trung tâm theo Tờ khai mẫu số 01/CNKD, Phụ lục mẫu số 01-1/BK-CNKD ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BTC và bản chụp hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu là lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng). Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh chậm nhất là ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh doanh thu tính thuế.

2. Đối với Trung tâm:

Trung tâm không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với số thuế GTGT đã nộp của cá nhân kinh doanh do không đáp ứng quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC nêu trên.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cụ thể, đề nghị Trung tâm dịch vụ đa phương tiện và giá trị gia tăng Mobifone liên hệ phòng Thanh tra - Kiểm tra số 3 để được hỗ trợ.

Cục Thuế TP Hà Nội thông báo để Trung tâm dịch vụ đa phương tiện và giá trị gia tăng Mobifone được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TKT3;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Tiến Trường